

Hà Nội

Kết quả thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) của địa phương

Khá

NHÓM 4/6

XẾP LOẠI

Khá

Nhóm 4/6 — Hạng 9/34 tỉnh được đánh giá.

ĐIỂM TỔNG HỢP

25,39 / 40

Cao hơn mức trung bình cả nước (21,66) **3,73 điểm**.

TRỤ CỘT MẠNH NHẤT

7 / 34

Chính sách hỗ trợ — trụ cột mạnh nhất, cao hơn mức trung bình cả nước **1,03 điểm**.

TỔNG QUAN BỐN TRỤ CỘT

A TIẾP CẬN THÔNG TIN

HẠNG 9 / 34

5,74 / 10 +0,95 so với trung bình cả nước

B THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

HẠNG 12 / 34

5,98 / 10 +0,77 so với trung bình cả nước

C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

HẠNG 7 / 34

6,85 / 10 +1,03 so với trung bình cả nước

D PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HẠNG 13 / 34

7,00 / 10 +1,04 so với trung bình cả nước

★ ĐIỂM MẠNH

- #5 C5 — Rào cản khi tận dụng các FTA
- #6 A8 — Chất lượng thông tin dự báo, định hướng xuất khẩu do CQQLNN địa phương cung cấp
- #6 C3 — Hình thức tận dụng FTA
- #7 B1 — Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA

ĐIỂM YẾU

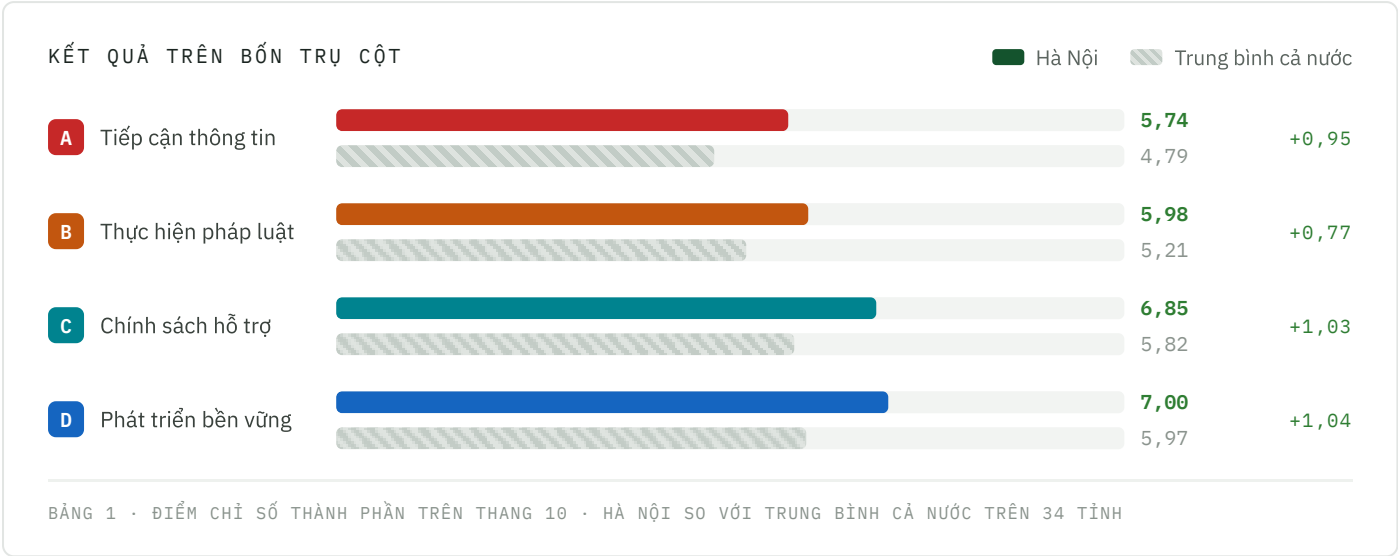
- #24 B7 — Mức độ tiếp thu góp ý/phản hồi doanh nghiệp
- #24 C9.1 — Mức độ tham gia xúc tiến thương mại
- #22 B5 — Tần suất tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết
- #22 B6 — Phản hồi chính sách

NGUỒN: FTA INDEX 2025 (TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG THỰC HIỆN CHO BỘ CÔNG THƯƠNG); KHẢO SÁT 4.066 DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU. ĐIỂM THÀNH PHẦN THEO THANG 10; ĐIỂM TỔNG HỢP THEO THANG 40. HẠNG TRÊN TỔNG SỐ 34 TỈNH, THÀNH PHỐ.

01 Tổng quan kết quả

Hà Nội đạt 25,39/40 điểm, thuộc nhóm “Khá” và xếp **hạng 9/34** tỉnh, thành phố, cao hơn **3,73 điểm** so với mức trung bình cả nước. Cả bốn trụ cột đều đạt điểm số trên trung bình, song thứ hạng chỉ dao động từ **hạng 7** đến **hạng 13**. Thế mạnh của Hà Nội tập trung ở thông tin dự báo và định hướng thị trường, mức độ nắm rõ các văn bản pháp luật và năng lực tận dụng FTA của doanh nghiệp. Tuy nhiên, các kênh thông tin chính thức, mức độ tham gia tập huấn và phản hồi chính sách, hoạt động xúc tiến thương mại và sự sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững (PTBV) vẫn còn hạn

chế. Thách thức của Hà Nội không nằm ở sự thiếu hụt nguồn lực, mà ở khả năng chuyển hóa những lợi thế riêng lẻ thành năng lực thực thi đồng bộ trên toàn hệ thống.



02 Phân tích chi tiết theo chỉ số thành phần

A

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 1

Tiếp cận thông tin

5,74/10

HẠNG 9 / 34 · +0,95

TỔNG QUAN

Chất lượng thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu (A8) là chỉ tiêu nổi bật nhất, xếp **hạng 6** cả nước. Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về FTA (A1, **hạng 12**) và sự đa dạng của các hình thức tiếp cận thông tin (A3, **hạng 11**) cũng đạt kết quả trên trung bình. Tuy nhiên, chất lượng thông tin FTA trên cổng điện tử địa phương (A9) và tần suất tham gia sự kiện truyền thông về FTA (A5) cùng xếp **hạng 21**, trong khi nguồn thông tin từ cơ quan nhà nước (A2) chỉ xếp **hạng 25**. Điều này cho thấy Hà Nội có nguồn thông tin thị trường tương đối tốt nhưng các kênh truyền tải chính thức chưa tiếp cận doanh nghiệp đủ rộng và thường xuyên.

ĐỘ BAO PHỦ KÊNH & MỨC ĐỘ THAM GIA

Báo chí và truyền hình là kênh phổ biến nhất, tiếp cận 78,6% doanh nghiệp, tiếp theo là hội nghị, hội thảo (63,4%) và trang thông tin điện tử (57,1%). Các kênh thông tin tiếp cận khác biệt rõ theo nhóm doanh nghiệp: 84,6% doanh nghiệp nhỏ chủ yếu sử dụng mạng xã hội, trong khi 85,7% doanh nghiệp lớn và 90,9% doanh nghiệp FDI tiếp cận qua trang thông tin điện tử. Dưới 50% doanh nghiệp cho rằng thông tin FTA đáp ứng phần lớn hoặc đầy đủ nhu cầu; thông tin từ cơ quan trung ương được đánh giá tích cực hơn thông tin từ cơ quan tại địa phương, ở mức 45,3% so với 37,4%. Chỉ 13,9% doanh nghiệp tham gia thường xuyên hoặc rất thường xuyên. Đối với thông tin dự báo, độ tin cậy được đánh giá cao nhất (63,3%), trong khi tính kịp thời chỉ đạt 45,3% đánh giá tích cực.

Hà Nội

5,74

Trung bình cả nước

4,79

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#6 Thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu

#11 Hình thức tiếp cận thông tin

#12 Hiểu biết chung về FTA đã ký kết

#21 Thông tin FTA trên cổng điện tử

#25 Cơ quan cung cấp thông tin FTA



CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 2

Thực hiện quy định pháp luật theo FTA

5,98 /10

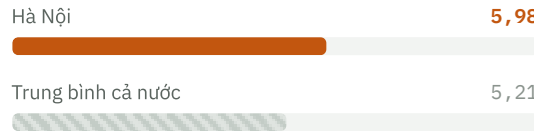
HẠNG 12 / 34 · +0,77

TỔNG QUAN

Mức độ nắm rõ các VBPL thực thi cam kết FTA (B1) xếp **hạng 7**, còn chất lượng hướng dẫn pháp luật (B3) xếp **hạng 11**. Tuy nhiên, mức độ tham gia tập huấn VBPL (B5), phản hồi, góp ý của doanh nghiệp (B6) và khả năng cơ quan QLNN tại địa phương ghi nhận, tiếp thu ý kiến doanh nghiệp (B7) chỉ xếp từ **hạng 22** đến **hạng 24**. Hà Nội vì vậy có nền tảng hiểu biết pháp lý tương đối tốt, nhưng sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình thực thi và hoàn thiện chính sách vẫn chưa tương xứng.

CHIỀU SÂU HIỂU BIẾT THEO LĨNH VỰC

Mức độ hiểu biết còn phân hóa đáng kể giữa các lĩnh vực. Chỉ khoảng 45,8–48,1% doanh nghiệp nắm rõ ưu đãi thuế quan và quy tắc xuất xứ; tỷ lệ này giảm xuống còn 29,3–42,7% đối với SPS, TBT, sở hữu trí tuệ, phòng vệ thương mại, quy định về lao động và môi trường. Hoạt động hướng dẫn thường xuyên tiếp cận chưa đến 30% doanh nghiệp ở tất cả các lĩnh vực; riêng môi trường và sở hữu trí tuệ chỉ đạt lần lượt 15,1% và 21,2%. Đồng thời, khoảng 55–73% doanh nghiệp vẫn đánh giá các quy định pháp luật chủ yếu là phức tạp. Doanh nghiệp nhỏ gặp nhiều khó khăn với SPS và môi trường, trong khi doanh nghiệp lớn và FDI cũng phản ánh gánh nặng đáng kể liên quan đến SPS, TBT, sở hữu trí tuệ, thuế quan và quy tắc xuất xứ.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #7 Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA
- #11 Chất lượng hướng dẫn VBPL
- #19 Mức độ phức tạp tuân thủ VBPL thực thi FTA
- #22 Tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết
- #22 Phản hồi, góp ý VBPL
- #24 Tiếp thu ý kiến doanh nghiệp



CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

6,85 /10

HẠNG 7 / 34 · +1,03

TỔNG QUAN

Doanh nghiệp Hà Nội thể hiện năng lực tận dụng FTA tương đối tốt, với rào cản tận dụng (C5) xếp **hạng 5**, sự đa dạng của các hình thức tận dụng (C3) xếp **hạng 6** và số nhóm cam kết được khai thác (C4) xếp **hạng 7**. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ (C6) chỉ xếp **hạng 22**, còn tần suất xúc tiến thương mại (C9.1) xếp **hạng 24**. Kết quả này cho thấy năng lực tận dụng FTA hiện chủ yếu đến từ sự chủ động của doanh nghiệp, trong khi vai trò thúc đẩy của hệ thống hỗ trợ địa phương vẫn còn hạn chế.

CƠ CẤU TẬN DỤNG & HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH

Hoạt động tận dụng tập trung chủ yếu vào ưu đãi thuế quan (71,4%) và quy tắc xuất xứ (69,3%), trong khi TBT chỉ đạt 9,7% và SPS đạt 14,7%. 48,3% doanh nghiệp phản hồi rào cản tận dụng FTA do thiếu thông tin thị trường FTA, 40,3% chưa hiểu rõ các cam kết và 37% thiếu khả năng tiếp cận đối tác hoặc nguồn tư vấn đáng tin cậy. Nhu cầu hỗ trợ tập trung vào xúc tiến thương mại (65,1%), hỗ trợ hỗ trợ riêng cho các doanh nghiệp đang trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu từ các thị trường FTA (59,7%) và đào tạo về quy tắc xuất xứ, thủ tục FTA (55,5%). Doanh nghiệp FDI đặc biệt quan tâm đến hỗ trợ xuất nhập khẩu trực tiếp, trong khi doanh nghiệp nhỏ ưu tiên hỗ trợ về vốn và tiếp cận tín dụng.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #5 Rào cản khi tận dụng FTA
- #6 Hình thức tận dụng FTA
- #7 Số nhóm cam kết được khai thác
- #21 Tiếp cận chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh
- #24 Tần suất xúc tiến thương mại



TỔNG QUAN

Chất lượng các hình thức hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu PTBV (D6) xếp **hạng 9**. Mức độ hiểu biết về cam kết PTBV do doanh nghiệp tự đánh giá (D1, **hạng 15**) và nhận thức về tác động của cam kết PTBV đối với hoạt động kinh doanh (D2, **hạng 14**) ở mức tương đối. Tuy nhiên, mức độ sẵn sàng đáp ứng quy định về PTBV (D3) chỉ xếp **hạng 21**, trong khi hiệu quả hỗ trợ của cơ quan nhà nước (D4) và nhận thức về tầm quan trọng của việc tuân thủ quy định PTBV (D5) cùng xếp **hạng 22**. Kết quả phản ánh khoảng cách giữa nhận thức và hành động: doanh nghiệp đã bước đầu nhận diện các yêu cầu nhưng chưa chuyển hóa đầy đủ thành kế hoạch và năng lực tuân thủ thực tế.

MỨC ĐỘ CHUẨN BỊ & HỖ TRỢ

Khoảng 52% doanh nghiệp hiểu các cam kết về lao động và môi trường, nhưng tỷ lệ này chỉ đạt 24,5–40,9% đối với đa dạng sinh học, quản lý nguồn lợi rừng bền vững CITES, EUDR, SCDDD, CBAM và kinh tế tuần hoàn. Khoảng 58–60% đã bắt đầu chuẩn bị cho các cam kết về lao động và môi trường, song tỷ lệ chuẩn bị thấp hơn 45% trong tất cả các lĩnh vực chuyên biệt và chỉ đạt 29,5% đối với CBAM. Hỗ trợ của cơ quan QLNN tại địa phương được đánh giá tích cực nhất đối với lao động (61,6%) và môi trường (60%), nhưng chỉ đạt khoảng 32–40% đối với các yêu cầu mới hoặc chuyên sâu. Doanh nghiệp FDI ghi nhận khoảng trống hỗ trợ đáng kể, với tỷ lệ chưa nhận được hỗ trợ lên tới 45,5% trong một số lĩnh vực.

Hà Nội

7,00

Trung bình cả nước

5,97

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#9 Hình thức hỗ trợ tuân thủ cam kết PTBV

#14 Nhận thức tầm quan trọng của việc tuân thủ

#15 Mức độ hiểu biết về cam kết PTBV

#21 Mức độ chuẩn bị tuân thủ cam kết PTBV

#22 Hiệu quả hỗ trợ từ CQQLNN địa phương

03 Kết luận & hàm ý

ĐIỂM MẠNH CHÍNH

- Thông tin dự báo, định hướng xuất nhập khẩu xếp **hạng 6**, phản ánh lợi thế của Thủ đô về dịch vụ kinh doanh, dữ liệu thị trường và nguồn lực chính sách.
- Mức độ nắm rõ các văn bản pháp luật xếp **hạng 7**, tạo nền tảng tương đối vững để doanh nghiệp áp dụng các cam kết FTA.
- Doanh nghiệp tận dụng FTA trên phạm vi tương đối rộng, với sự đa dạng của hình thức tận dụng xếp **hạng 6**, số nhóm cam kết được khai thác xếp **hạng 7** và mức độ rào cản xét theo thứ hạng tương đối xếp **hạng 5**.

NHỮNG CHỈ TIÊU CẦN CẢI THIỆN

- Các kênh thông tin chính thức chưa phát huy đầy đủ hiệu quả, khi thông tin FTA trên cổng điện tử địa phương xếp **hạng 21** và nguồn thông tin từ cơ quan nhà nước xếp **hạng 25**.
- Mức độ tham gia tập huấn, phản hồi và tham vấn chính sách còn thấp, với các chỉ tiêu B5–B7 chỉ xếp từ **hạng 22** đến **hạng 24**.
- Mức độ sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững còn hạn chế (D3, **hạng 21**), dù Hà Nội có nguồn lực doanh nghiệp và năng lực thể chế tương đối lớn.
- Khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ và xúc tiến thương mại chưa tương xứng với năng lực doanh nghiệp, lần lượt xếp **hạng 22** và **hạng 24**.

1

Hiện đại hóa các kênh thông tin

Nâng cấp cổng thông tin điện tử và chủ động cung cấp thông tin qua email, Zalo, mạng xã hội và các hiệp hội ngành hàng; ưu tiên nội dung được điều chỉnh theo quy mô và loại hình doanh nghiệp.

Trụ cột A · nguồn thông tin chính thức từ hạng 25

2

Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp

Tăng tần suất và tính thực tiễn của các hoạt động tập huấn, tham vấn và đối thoại; đồng thời xây dựng cơ chế phản hồi rõ ràng để doanh nghiệp theo dõi việc tiếp thu và xử lý kiến nghị.

Trụ cột B · cải thiện các chỉ tiêu hạng 22-24

3

Nâng cao mức độ sẵn sàng về phát triển bền vững

Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tuân thủ, hệ thống chứng nhận và hồ sơ chuỗi cung ứng để đáp ứng các yêu cầu của EVFTA, CPTPP, EUDR, CBAM và SCDDD.

D3 · 21 → cải thiện thứ hạng

4

Xác lập chuẩn mực và vươn lên nhóm dẫn đầu

Chuyển hóa lợi thế về quy mô, hiểu biết pháp luật và thông tin thị trường thành một hệ thống hỗ trợ FTA đồng bộ, có khả năng phục vụ hiệu quả từng nhóm doanh nghiệp.

Mục tiêu: vươn lên nhóm dẫn đầu



MỤC TIÊU

Nâng Hà Nội từ nhóm “Khá” lên nhóm “Tốt” và phát huy vị thế tương xứng với tiềm năng của Thủ đô